TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2024/DS-PT
Ngày 02/5/2024
V/v tranh chấp tài sản chung của dòng họ, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại H xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp tài sản chung của dòng họ, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4009/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Xuân H, sinh năm 1957 và ông Dương Xuân T, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H; đều có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Dương Bá C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1978 và ông Trần Văn T2, sinh năm 1990 - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A liền kề A, khu đô thị M, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1952; vắng mặt.

3.2. Chị Dương Thị Thu T3, sinh năm 1989; có mặt.

3.3. Anh Dương Bá C, sinh năm 1982; có mặt.

3.4. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1992; có mặt.

3.5. Ông Dương Xuân H3, sinh năm 1978; vắng mặt.

3.6. Ông Dương Văn L, sinh năm 1955; có mặt.

3.7. Ông Dương Xuân T4, sinh năm 1968; có mặt.

3.8. Ông Dương Xuân Q, sinh năm 1966; có mặt.

3.9 Ông Dương Văn H4, sinh năm 1962; có mặt.

3.10. Ông Dương Xuân L1, sinh năm 1954; có mặt.

3.11. Ông Dương Văn T5, sinh năm 1956; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Xuân H3, ông Dương Văn L, ông Dương Xuân T4, ông Dương Xuân Q, ông Dương Văn H4, ông Dương Xuân L1, ông Dương Văn T5: Ông Dương Xuân H5, sinh năm 1947, ông Dương Xuân H, sinh năm 1957, ông Dương Xuân T, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H; đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị H1, chị Dương Thị Thu T3, chị Phạm Thị H2: Anh Dương Bá C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H; có mặt.

3.12. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H;

Người đại diện: Ông Nguyễn Sinh T6 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung:

Dòng họ Dương Văn thôn C xã Y, nay thuộc tổ dân phố A, thị trấn L, Ý, H có 02 thửa đất được tổ tiên để lại: Thửa thứ nhất đất ở có diện tích 155m^2 thuộc tờ bản đồ số 6, thửa đất số 41, bản đồ xã Y lập năm 1991. Thửa đất này đã được dòng họ xây dựng nhà thờ để phục vụ cho các hoạt động chung của dòng họ. Thửa thứ hai đất ao có diện tích là 1472m^2 thuộc bản đồ số 7, thửa đất số 90, bản đồ xã Y lập năm 1991. Diện tích ao trên dòng họ đã cho đấu thầu để thu hoa lợi đưa vào nhà thờ sử dụng chung, một phần ao cho gia đình ông Dương Văn T1 trưởng họ mượn để sử dụng. Diện tích cho mượn không đo đạc cụ thể mà chỉ tính từ bờ ngang cầu ao nhà ông T7, đến hết đoạn đường phía Bắc hương hỏa của dòng họ. Trong quá trình sử dụng diện tích ao mượn của dòng họ, năm 1988 ông T1 đã tự ý đổ đất san lấp một phần để làm lều tạm coi cá, sau đó ông chuyển sang làm nhà

tạm để làm nghề. Năm 1993 dòng họ D mới biết trong sổ địa chính của xã Y ghi diện tích 270m^2 trong tổng số 1470m^2 đất ao là đất thổ cư mang tên ông T1 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, diện tích đất ao chỉ còn 1202m^2. Dòng họ D đã họp và có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết, khi đó ông T1 đã công nhận với Ủy ban nhân dân xã Y là ao của dòng họ và xin trả lại cho dòng họ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y.

Năm 2019 khi Ủy ban nhân dân xã Y đang giải quyết việc tranh chấp, gia đình ông T1 xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127619 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992, mang tên ông Dương Văn T1 trong đó thể hiện diện tích 270m^2 tách từ đất ao thành đất ở lâu dài đứng tên ông T1, dòng họ Dương V không hề hay biết. Dòng họ đã yêu cầu ông Dương Văn T1 trả lại diện tích 270m^2 đất nêu trên nhưng ông T1 không trả. Vì vậy, dòng họ Dương V đề nghị Toà án buộc ông Dương Văn T1 phải trả lại cho dòng họ Dương Văn phần diện tích ao đã mượn 270m^2, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Văn T1 đối với phần diện tích 270m^2; buộc ông T1 phải trả lại nguyên trạng đất đã mượn cho dòng họ Dương Văn .

Bị đơn ông Dương Văn T1 và người đại diện theo uỷ quyền anh Dương Bá C trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 270m^2 do ông cha để lại, quá trình sử dụng gia đình ông có đổ đất, san lấp và xây dựng ngôi nhà khoảng 20m^2 để bán hàng và trông ao cá. Năm 1997 gia đình ông tiếp tục sửa chữa, xây mới nhà từ 20m^2 lên 50m^2. Năm 2012 gia đình ông tiếp tục dựng một nhà xưởng kiên cố xung quanh xây bê tông, lợp mái tôn khoảng 70m^2 để con trai sử dụng. Bản đồ địa chính năm 1991 ông là chủ sử dụng diện tích 270m^2 đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là căn cứ vào việc giải quyết các trường hợp sử dụng đất sai chính sách của Ủy ban nhân dân xã Y. C1 đã ra Quyết định số 29 ngày 25/7/1991 công nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ sử dụng đất sai chính sách. Trong quyết định công nhận đó có diện tích đất ở 270m^2 đang tranh chấp đã được đưa vào phương án xử lý mang tên ông. Ông T1 khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 270m^2 đất ở cho ông là đúng quy định, diện tích đất này không phải là của dòng họ D. Do vậy ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại đơn phản tố bị đơn ông Dương Văn T1 trình bày:

Ngày 15/3/1992 ông được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó được chứng nhận là người sử dụng 1472m^2 đất, gồm 270m^2 đất ở và 1202 m^2 đất ao tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính năm 1991 xã Y, nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y. Nguồn gốc 1202m^2 ao nêu trên là của ông cha để lại, sau khi các cụ mất ông là người trực tiếp quản lý sử dụng và thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Hiện nay ông Dương

Xuân Q, sinh năm 1966, trú tại tổ A, thị trấn L, huyện Y đang sử dụng, với lý do ông Q thầu của dòng họ Dương Văn . Ông T1 khẳng định diện tích 1202m^2 đất trên là của riêng ông chứ không phải của dòng họ Dương Văn . Bản đồ địa chính năm 1991 diện tích 1202m^2 nêu trên thuộc tờ bản đồ số 7, đo đạc năm 1991, chỉnh lý năm 1994 thì chủ sử dụng đất là ông Dương Văn T1. Tại Sổ mục kê - Thống kê đất đai của xã Y năm 1991, trang số 58 có thể hiện rất rõ "Tên chủ sử dụng ruộng đất" là Dương Văn T1, không có ghi thêm bất kỳ điều gì khác. Tại sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện nội dung diện tích 1202m^2 nêu trên là của cá nhân ông Dương Văn T1.

Căn cứ vào phương án giải quyết các trường hợp sử dụng đất sai chính sách của Ủy ban nhân dân xã Y, C1 đã ra quyết định số 29 ngày 25/7/1991 công nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ sử dụng đất sai chính sách. Trong đó quyết định diện tích 1202m^2 đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 đã được đưa vào phương án xử lý mang tên ông Dương Văn T1. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992, tại "Phần ghi thêm" có dòng chữ "Họ Dương V", ông khẳng định dòng chữ này là do ông Dương Văn M viết thêm vào mặc dù ông M không phải là địa chính nhằm có lợi cho dòng họ Dương Văn .

Do vậy, ông đề nghị Tòa án công nhận 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa số 90 địa chỉ tại tổ A, T của ông Dương Văn T1 không phải của dòng họ Dương Văn . Ông T1 đề nghị Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127619, phần diện tích 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 90 mang tên ông Dương Văn T1 (phần ghi Họ Dương V) do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992. Buộc ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T (đại diện dòng họ Dương V) trả lại 1202m^2 đất ao cho ông T1.

Nguyên đơn có quan điểm trình bày đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Yêu cầu phản tố buộc dòng họ Dương Văn t lại diện tích 1202m^2 đất ao tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 90; địa chỉ tại tổ A, thị trấn L, huyện Y cho ông Dương Văn T1 là không có căn cứ. Nguyên đơn hoàn toàn không đồng ý vì, theo sổ mục kê năm 1986 toàn bộ diện tích 1460m^2 chủ sử dụng đất là dòng họ Dương Văn . Quá trình sử dụng, dòng họ đã cho các gia đình trong dòng họ đấu thầu để lấy kinh phí hoạt động. Năm 1993 khi dòng họ biết được diện tích 270m^2 đất đã vào tên ông T1, ngày 15/3/1993 dòng họ Dương V đã nhờ chính quyền địa phương xác nhận nội dung ông Thống nhất t1 trả lại ao cho dòng họ. Bản thân ông Dương Văn T1 nhiều lần xác nhận 1202m^2 đất ao là của dòng họ, như ký xác nhận vào Biên bản về việc họ cho mượn phần ao của họ ngày 07/12/1995, Biên bản về việc cho mượn đất làm dịch vụ ngày 10/02/2016. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T1 cũng thể hiện diện tích 1202m^2 đất ao là của dòng họ Dương V; từ năm 1992 cho đến nay ông T1 không có ý kiến, đơn từ gì về việc này. Quá trình sử dụng diện tích 1202m^2 đất ao, dòng họ nhiều năm cho các ông Dương Xuân H,

ông Dương Xuân T8, ông Dương Xuân T và hiện nay là ông Dương Xuân Q đấu thầu, dòng họ cho thầu để lấy kinh phí, những người này sử dụng bình thường, trả phí thầu ao cho dòng họ chứ không ai trả cho gia đình ông T1, gia đình ông T1 không ai có ý kiến gì. Nay ông T1 cho rằng diện tích đất ao này là của ông là hoàn toàn vô lý, không có căn cứ. Do đó, nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu phản tố của phía bị đơn. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ủy ban nhân dân thị trấn Ý trình bày:

Nguồn gốc diện tích 1472m^2 đất đang tranh chấp (270m^2 đất ở; 1202m^2 đất ao), theo sổ mục kê năm 1986 phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ số 6 diện tích 1460m^2 loại đất ao, chủ sử dụng là dòng họ D. Bản đồ địa chính năm 1991, diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 7, diện tích 1472m^2 bản đồ đo đạc năm 1991, chỉnh lý năm 1994 xã Y cũ, chủ sử dụng đất là ông Dương Văn T1. Theo phương án giải quyết các trường hợp sử dụng đất sai chính sách năm 1991, đã được Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt phần diện tích đất tranh chấp đã được cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Dương Văn T1. Tuy nhiên, đối với các hộ khác, phần nghĩa vụ tài chính có nộp tiền. Riêng đối với hộ ông Dương Văn T1 không thể hiện phần nghĩa vụ tài chính này. Quá trình sử dụng từ năm 1988 ông T1 đã đổ đất làm lều trên phần diện tích đất ao, sau đó cơi nới dần hình thành nhà tạm như hiện nay. Căn cứ vào phương án giải quyết các trường hợp sử dụng đất sai chính sách của Ủy ban nhân dân xã Y, C1 đã ra quyết định số 29 ngày 25/7/1991 công nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ sử dụng đất sai chính sách. Trong đó quyết định diện tích 1472m^2 đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ xã Y lập năm 1991 đã được đưa vào phương án xử lý mang tên ông Dương Văn T1.

Sau khi biết diện tích 270m^2 đất đứng tên ông T1, ngày 19/4/1993 dòng họ Dương V đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết tranh chấp cho đến bây giờ. Đối với hộ ông T1 thời điểm năm 1992, khi giao đất nông nghiệp nhà ông T1 có 08 khẩu, được giao tổng 3774m^2 đất ruộng; thời điểm giao ruộng 01 khẩu được giao 480m^2 đất ruộng.

Tại Công văn số 15/TNMT ngày 10/01/2023 của Phòng T12 cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992 cho ông Dương Văn T1, được thực hiện trước ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành, được áp dụng theo Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 và Thông tư số 302/TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của T13. Theo bản đồ địa chính xã Y đo đạc năm 1991, chỉnh lý thực địa năm 1994: Ông Thống thể hiện là chủ sử dụng thửa đất số 41 tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 90 tờ bản đồ số 7, thời điểm cấp Giấy chứng nhân quyền sử dụng đất xã Y đã có cán bộ địa chính. Năm 1991 Ủy ban nhân dân xã Y lập phương án giải quyết các trường hợp sử dụng đất sai chính sách tại xã Y được cấp có thẩm quyền hiệp y, công nhận. Do đó Ủy ban

nhân dân xã Y đã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyệÝ cấp Giấy chứng nhận cho ông T1 đối với 02 thửa đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Xuân Q trình bày:

Ngày 01/3/2029 ông có ký văn bản thầu ao với dòng họ Dương Văn thời hạn thầu là 7 năm, giá thầu là 9.600.000đ/01năm; hiện ao ông đang thả cá, có 01 nhà cấp bốn, 01 lán, 01 bếp trên ao; tiền thầu hàng năm ông trả cho dòng họ Dương Văn . Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người làm chứng khai:

Ông Nguyễn Hồng L2 (nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y thời điểm năm 1989 – 1999): Nguồn gốc thửa đất ao đang tranh chấp là của dòng họ D. Trong thời gian ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, ông không ký bất kỳ giấy tờ cho tặng hay sang nhượng đất gì từ dòng họ D cho gia đình ông T1. Lý do ông T1 không phải nộp bất kỳ khoản tiền gì liên quan đến xử lý phương án sử dụng đất sai chính sách vì đất vẫn là của dòng họ Dương Văn .

Ông Nguyễn Tiến B (nguyên là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y từ tháng 9/1991 đến khi nghỉ hưu): Trong quá trình tham gia công tác tại Ủy ban nhân dân xã Y, ông đã nhiều lần giải quyết việc tranh chấp đất của dòng họ D thôn C với gia đình ông Dương Văn T1; cụ thể diện tích 270 m^2/1472m^2 gia đình ông T1 có mượn của dòng họ để làm kinh tế. Bản thân ông đã xác nhận đơn của dòng họ D mà các chi đã ký, cụ thể là đơn đề ngày 19/4/1993, trong ngày làm việc ông Dương Văn T1 đã chấp nhận xin trả lại cho dòng họ 270m^2.

Ông Dương Ngọc K1 (nguyên cán bộ ban kế hoạch kiêm địa chính xã Y thời điểm năm 1986 – 1992): Về nguồn gốc thửa đất ao đang tranh chấp là của dòng họ D. Do ông T1 là trưởng họ, nên dòng họ D đã cho ông mượn ao của dòng họ D để làm kinh tế.

Ông Dương Văn H6 (nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y cho biết): Về nguồn gốc thửa đất ao đang tranh chấp là của dòng họ D. Để tăng thêm thu nhập, dòng họ đã họp khoán thầu hai phần, còn một phần ao cho ông T1 trưởng họ mượn, để nhà trưởng dâng hương các ngày lễ tết.

Ông Nguyễn Đức Q1 (nguyên cán bộ địa chính xã Y giai đoạn 1995-2018): Trong giai đoạn ông làm cán bộ địa chính xã Y ông không biết gì việc tranh chấp đất giữa hộ ông T1 với dòng họ Dương Văn . Đối với trích lục bản đồ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính lập năm 1991, có chữ ký của ông và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y thể hiện tên chủ sử dụng đất "Dòng họ Dương V". Đối với chữa viết "Họ Dương V" tại phần ghi thêm tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T1, do ông Dương Văn M tự viết vào.

Ông Dương Văn T9 (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y): Năm 2012 ông có chỉ đạo ông Q1 trích lục bản đồ giải thửa liên quan đến ao của dòng họ Dương Văn theo đề nghị của đại diện dòng họ là đúng.

Ông Dương Văn M: Ông M xác nhận phần ghi thêm đối với 1202m^2 đất ao có ghi "Họ Dương Văn" là chữ viết của ông do ông Nguyễn Đức Q1 là cán bộ địa chính xã bảo ông viết thì ông viết, vì ông chỉ làm thuê. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của dòng họ Dương V cho ông T1 mượn để sử dụng, chứ không phải của gia đình ông T1.

Biên bản xem xét, thẩm định ngày 23/02/2023 thể hiện:

Thửa đất số 90 tờ bản đồ số 7, diện tích 270m^2 có tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp đường; Phía Nam giáp ao đang tranh chấp; Phía Bắc giáp đường; diện tích hiện trạng là 246.9m^2. Trên đất có các công trình: 01 nhà cấp 4, tường xây gạch đỏ 220, vì kèo, xà cồ thép, lợp mái tôn, nền láng xi măng, cửa sắt, xây năm 2012; kích thước 10m x 6,4m, cao 5,7m; 01 lán phía trước nhà cấp 4: Lán bán mái, không tường, đòn tay thép, lợp tôn xây năm 2012, kích thước 4m x 6,4m, cao 3m; 01 lán bán mái, vì kèo đòn tay luồng, lợp proximang không tường (kề tường nhà cấp 4) nền láng xi măng, xây năm 1997 kích thước 2,75m x 5m; 01 nhà cấp 4 xây gạch đỏ 220, vì kèo gỗ, đòn tay luồng, lợp ngói xi măng, cửa gỗ tạp, nền láng xi măng xây năm 1997, kích thước 7,25m x 5m cao 2,5m; 01 nhà cấp 4 xây gạch xỉ vôi 150, vì kèo đòn tay luồng, lợp ngói đỏ, cửa tôn, nền láng xi măng xây năm 1997 kích thước 3,4m x 3m cao 2,5m; 01 lán bán mái phía sau: có tường xây gạch xỉ 150, vì kèo đòn tay luồng, lợp proximang, nền láng vữa xi măng, cửa gỗ tạp xây năm 1997 kích thước 4,9m x 7,3m + 3m x 2m; 01 nhà vệ sinh mái bằng bê tông cốt thép, có ốp gạch men xây dựng năm 2012 kích thước 1,5m x 2m cao 2,5m.

Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, diện đất ao 1202m^2 có tứ cận và tiếp giáp: Phía Đông giáp đường; Phía Tây giáp đường; Phía Nam giáp đất hộ ông T10; Phía Bắc thửa đất ông T1 đang quản lý sử dụng; diện tích đất hiện trạng là 1251,5m^2. Trên đất có các công trình: 01 nhà cấp 4 xây gạch đỏ 110, vì kèo đòn tay luồng, xây bán mái, lợp proximang, cửa tôn, có trần nhựa, sàn gác gỗ do xây trên mặt ao, xây năm 2010 kích thước 12,7m x 3,5m cao 2,7m; 01 lán nhỏ phía sau nhà: lán bán mái, không tường, lợp proximang, vì kèo đòn tay luồng xây năm 2010 kích thước 12,7m x 2,5m cao 2,2m; 01 bếp xây gạch đỏ 110, lợp proximang, vì kèo đòn tay luồng, nền láng xi măng xây năm 2010 kích thước 3,7m x 1,5m cao 2,2m. Ngoài ra về phía Tây giáp đường có 01 ngôi mộ.

Biên bản định giá ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá xác định đất ở có giá 9.000.000đ/01m^2; đất ao có giá 5.000.000đ/01m^2. 01 nhà cấp 4, tường xây gạch đỏ 220, vì kèo, xà cồ thép, lợp mái tôn, nền láng xi măng, cửa sắt, xây năm 2012 kích thước 10m x 6,4m cao 5,7m: giá trị còn lại 82.500.000đ. 01 lán phía trước nhà cấp 4: Lán bán mái, không tường, đòn tay thép, lợp tôn xây năm 2012, kích thước 4m x 6,4m, cao 3m giá trị còn lại 3.210.000đ. 01 nhà vệ sinh mái bằng bê tông cốt thép, có ốp gạch men xây dựng năm 2012 kích thước 1,5m x 2m, cao 2,5m giá trị còn lại 3.000.000đ. 01 nhà cấp 4 xây gạch đỏ 110, vì kèo đòn tay

luồng, xây bán mái, lợp proximang, cửa tôn, có trần nhựa, sàn gác gỗ do xây trên mặt ao, xây năm 2010 kích thước 12,7m x 3,5m, cao 2,7m giá trị còn lại 3.387.000đ. 01 lán nhỏ phía sau nhà: lán bán mái, không tường, lợp proximang, vì kèo đòn tay luồng xây năm 2010 kích thước 12,7m x 2,5m, cao 2,2m giá trị còn lại 2.420.000đ. 01 bếp xây gạch đỏ 110, lợp proximang, vì kèo đòn tay luồng, nền láng xi măng xây năm 2010 kích thước 3,7m x 1,5m,cao 2,2m giá trị còn lại 423.000đ.

Đối với các công trình xây dựng từ năm 1997, qua kiểm tra hiện trạng các công trình đã xuống cấp, mái sập sệ, tường bong tróc, các đương sự cùng Hội đồng định giá thống nhất không còn giá trị.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Dương Văn T1 thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 có tổng diện 1470m^2 trong đó 270m^2 đất ở và 1202m^2 đất ao, đo đạc hiện trạng là 1498,4m^2 trong đó 246,9m^2 đất ở và 1251,5m^2 đất ao. Sở dĩ có việc tăng thêm 28,4m^2 là do trước đây bên cạnh ngôi mộ của gia đình ông Dương Xuân Đ có một gồ đất, quá trình làm đường đã cào gồ đất để đắp đường nên diện tích gồ đất không còn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023/DS-ST ngày 29/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 105, 106, 115, 161, 165, 166, 207, 208, 211, 216, 688 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 52, 76 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 5, 100, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H và ông Dương Xuân T về việc đòi lại tài sản của dòng họ Dương Văn đối với diện tích 270m^2 đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y đứng tên ông Dương Văn T1.

3. Buộc ông Dương Văn T1, bà Dương Thị H1, chị Dương Thị Thu T3, chị Phạm Thị H2, anh Dương Bá C phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các công trình xây dựng và tài sản trên đất để trả lại nguyên trạng diện tích đất ao tại thửa số 90 tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 cho dòng họ Dương V có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H.

Dòng họ Dương V có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H được quyền sử dụng diện tích 1498,4m^2 đất tại thửa số 90, tờ

bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 có ranh giới đất như sau: Điểm 1-2 = 5m; 2-3 = 4,5m; 3-4 = 2,6m; 4-5 = 15m; 5-6 =14m; 6-7 = 22,1m; 7-8 = 6,2m; 8-9 = 4,4m; 9-10 = 6,2m; 10-11 = 11,9m; 11-12 = 15,4m; 12-13 = 4m; 13-14 = 5m; 14-15 = 11,4m; 15-16 = 32,5m; 16-17 = 6,6m; 17-18 = 0,7m; 18-19 = 18,8; 19-20 = 3,7m; 20-21 = 2,4m; 21-22 = 4,2m; 22-23 = 2,9m; 23-1 = 15m. Quyền sử dụng đất đối với diện tích 1498,4m^2 đất của dòng họ Dương V có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H là tài sản chung hợp nhất, không phân chia.

4. Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 127619 ngày 15/3/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Y đối với diện tích 270m^2 đất ở tại bản đồ số 7, thửa số 90 đã cấp cho ông Dương Văn T1.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị công nhận 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa số 90 địa chỉ tại tổ A, T của ông Dương Văn T1 không phải của dòng họ Dương V; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127619, phần diện tích 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 90 mang tên ông Dương Văn T1 (phần ghi thêm Họ Dương V) do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992. Buộc ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T (đại diện dòng họ Dương V) trả lại 1202m^2 đất ao cho ông Dương Văn T1.

6. Các đương sự có có nghĩa vụ đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T, ông Dương Văn T1. Trả lại cho ông Dương Xuân H 18.150.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0003733 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y Yên.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T, ông Dương Văn T1 đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

Bản án còn thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 06/9/2023, ông Dương Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Dương Xuân H, Dương Xuân T (nguyên đơn), ông Dương Xuân H5 (đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong dòng họ Dương V) đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Dương Bá C (đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn T1) và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ không khách quan; áp dụng không đúng quy định của pháp luật về nội dung. Toàn bộ thửa đất ao là của gia đình ông T1, không phải của dòng họ Dương Văn .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đã được bảo đảm đúng quy định. Về nội dung: Với các chứng cứ tài liệu đã thu thập được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định toàn bộ thửa đất số 90 là của dòng họ Dương V và buộc ông T1 trả đất cho dòng họ Dương V, là có cơ sở. Tuy nhiên, xét việc một phần diện tích đất ao này, ông T1 đã được UBND huyện Y cho chuyển mục đích sang đất ở và thực tế ông đã xây dựng nhà ở, công trình trên đất đúng mục đích sử dụng đất. Do vậy lỗi là do chính quyền nên dòng họ Dương V trả giá trị tài sản của ông T1 có trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc dòng họ Dương V thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Dương Văn T1.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 15/3/1992 Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 127619 ngày 15/3/1992 cho ông Dương Văn T1, trong đó có thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7 diện tích 1472m^2 (gồm 270m^2 đất ở và 1202m^2 đất ao) tại xã Y (nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y); GCN tại phần 1202m^2 đất ao, có ghi thêm *"Họ Dương V"*.

Nguyên đơn ông Dương Xuân H và ông Dương Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Văn T1 trả lại cho *dòng họ Dương Văn xã Y* (nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y) 270m^2 đất và hủy GCNQSD đất đứng tên ông T1 đối với thửa đất này, với lý do toàn bộ 1472m^2 đất ao là của dòng họ. Sau khi thụ lý, bị đơn ông Dương Văn T1 có đơn phản tố, nội dung yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 1202m^2 đất ao là của ông và hủy GCNQSD đất phần ghi thêm *Họ Dương V* (hiện ông Dương Xuân Q quản lý đất ao này do nhận thầu của dòng họ Dương V). Toà án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án dân sự yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn; đã xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về tài sản chung dòng họ.

[1.2] Về việc các thành viên khác trong dòng họ không tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đứng về phía nguyên đơn):

Tuy kèm đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình văn bản có danh sách tên và có chữ ký của nhiều người ủy quyền cho nguyên đơn, nhưng cũng chỉ một số người ký tên và không được chứng thực chữ kí, nên không đủ cơ sở xác định là hợp lệ. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có 7 người trong dòng họ đề nghị được tham gia tố tụng (5-11) và đã có ý kiến trình bày tại Tòa án. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa 7 người này tham gia tố tụng (đứng về phía nguyên đơn) là đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về tài sản chung dòng họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự xác nhận theo phong tục tập quán ông T1 là T11 họ Dương V nhưng cũng có người là Dương V, có người là Dương X. Nguyên đơn cung cấp thêm văn bản ủy quyền lập ngày 10/4/2024 của một số người trong dòng họ Dương V (văn bản được UBND thị trấn L), nội dung tiếp tục ủy quyền cho ông T, ông H, ông H5 tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm; đều nhất trí với bản án sơ thẩm về nội dung cũng như việc xác định người tham gia tố tụng.

Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách đương sự tham gia tố tụng đảm bảo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về diện tích đất nguyên đơn và bị đơn tranh chấp là thửa số 90 tờ bản đồ số 7 và tài sản trên đất:

Theo kết quả thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm, hiện trạng đo đạc có diện tích 1498,4m^2, trong đó ông T1 đang quản lý sử dụng 246,9m^2 đất ở/270m^2 ghi trong GCN; dòng họ đang quản lý 1251,5m^2 đất ao/1202m^2 ghi trong GCN. Phần diện tích tăng lên 28,4m^2 đã được Toà án cấp sơ thẩm làm rõ xác định là do trước đây bên cạnh ngôi mộ của gia đình ông Dương Xuân Đ có một gồ đất, quá trình làm đường đã cào gồ đất để đắp đường nên diện tích gồ đất không còn, đã vào diện tích đất ao của dòng họ Dương V; do các hộ liền kề sử dụng ổn định, không có tranh chấp nên tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết tranh chấp theo hiện trạng sử dụng - là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn T1 cho rằng toàn bộ diện tích thửa đất số 90 tổng diện tích 1472m^2 không phải là của dòng họ Dương Văn :

- Về hồ sơ địa chính thửa đất:

Sổ mục kê năm 1986 thửa đất mang số 210, tờ bản đồ số 6, diện tích 1460m^2, loại đất ao, chủ sử dụng là dòng họ D.

Quá trình sử dụng thửa đất, từ năm 1988 gia đình ông T1 đã đổ đất làm lều trên phần diện tích đất ao. Do vi phạm nên Ủy ban nhân dân xã Y đã có biên bản giải quyết ngày 21/12/1988. Căn cứ vào phương án giải quyết các trường hợp sử dụng sai chính sách của Ủy ban nhân dân xã Y; C1 đã có Quyết định số 29 ngày 25/7/1991 công nhận quyền sử dụng đất cho 174 hộ sử dụng đất sai chính sách, trong đó diện tích 1472m^2 đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 đã được đưa vào phương án xử lý mang tên ông là Dương Văn T1. Tuy nhiên, khi cấp GCNQSD đất năm 1991 cho ông T1, thửa đất tách 270m^2 đất ở, 1202m^2 đất ao, nhưng phần đất ao có ghi *dòng họ Dương Văn* . Ông T1 không có giấy tờ gì về nguồn gốc thửa 90 do cha ông để lại, hay do nhận chuyển nhượng hoặc được Nhà nước giao.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh chính quyền địa phương, kết quả cho thấy: Thời điểm năm 1992 khi nhà nước giao đất nông nghiệp, hộ gia đình ông T1 có 08 khẩu, được giao tổng 3774m^2 đất ruộng; thời điểm này 01 khẩu được giao 480m^2 đất ruộng; đất vườn của gia đình ông T1 là 909m^2 - cho thấy hoàn toàn không có việc quy đổi diện tích đất ruộng để lấy diện tích đất ao. Đối với các hộ sử dụng đất sai chính sách phần nghĩa vụ tài chính đều phải nộp tiền, riêng ông T1 xác định không phải nộp nghĩa vụ tài chính. Ngoài ra, những người làm chứng là ông Nguyễn Hồng L2, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y thời điểm năm 1989-1999; ông Nguyễn Tiến B, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y từ tháng 9/1991 đến khi nghỉ hưu; ông Dương Văn H6, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y; ông Dương Ngọc K1, nguyên cán bộ ban kế hoạch kiêm địa chính xã Y thời điểm năm 1986 - 1992 đều khẳng định: Nguồn gốc thửa đất ao đang tranh chấp là của dòng họ Dương V, dòng họ Dương V cho ông T1 là trưởng họ mượn ao của dòng họ để làm kinh tế.

Ngày 15/3/1993, ông T1 được cấp GCNQSD đất (gồm 6 thửa), trong đó có thửa số 90 tại phần ghi chú 1202m^2 đất ao của thửa 90 có ghi "Họ Dương V". Ông T1 đã nhận GCN nhưng không có ý kiến gì về việc ghi chú trong GCN.

- Khi biết được diện tích 270m^2 đất đứng tên ông T1, ngày 15/3/1993 dòng họ D đã có đơn đề nghị chính quyền địa phương giải quyết, Ủy ban nhân dân xã Y xác nhận nội dung ông Thống nhất t1 trả lại ao cho dòng họ Dương Văn . Ông Dương Văn T1 nhiều lần ký xác nhận diện tích 1202m^2 đất ao là của dòng họ (Biên bản về việc họ cho mượn phần ao của họ ngày 07/12/1995. Biên bản về việc cho mượn đất làm dịch vụ ngày 10/02/2016). Thực tế ao hiện dòng họ quản lý, cho ông Q nhận thầu và trả tiền cho dòng họ.

Với các chứng cứ trên, bản án sơ thẩm đã xác định toàn bộ thửa đất số 90 là đất dòng họ Dương V, từ đó bác yêu cầu phản tố của ông T1 (về 1202m^2 đất ao), là có cở sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác nhận dòng họ có nhà thờ họ hiện cũng do ông T1 đứng tên trong GCN. Anh Dương Bá C (đại diện theo ủy quyền của ông T1) cũng xác nhận. Lời khai các đương sự phù hợp phần ghi chú trong GCNQSD đất cấp cho ông T1 năm 1993.

[2.3] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc gia đình ông T1 tháo dỡ di dời các công trình xây dựng trên đất ở để trả lại nguyên trạng đất ao, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Xét về nguồn gốc trước năm 1991 chỉ là đất ao, dòng họ khởi kiện cũng chỉ đòi lại đất ao, nhưng năm 1991 UBND huyện Y đã cấp GCNQSD đất 270m^2 loại đất ở (cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) cho ông T1, thực tế gia đình đã san lấp ao từ năm 1988 và tiếp tục xây dựng nhà để ở, đúng với mục đích sử dụng đất (Theo đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm là 246,9m^2). Mặt khác, việc tháo dỡ di dời nhà để trả lại nguyên trạng đất ao làm lãng phí đất đai và tài sản. Do vậy, cần tiếp tục cho ông T1 sử dụng diện tích đất đã thực tế san lấp làm nhà ở, nhưng ông phải thanh toán cho dòng họ Dương V giá trị đất ao theo giá đã được Hội đồng định giá xác định (5.000.000đồng/m^2 x 246,9m^2= 1.234.500.000 đồng).

Phần đất 246,9m^2 đất ở của ông T1 đang quản lý và phần đất ao của dòng họ Dương V đang quản lý (1498,4m^2 - 246,9m^2=1251,5m^2), Tòa án cấp sơ thẩm đã có trích đo cụ thể. Căn cứ bản án phúc thẩm, đương sự kê khai đăng ký điều chỉnh lại diện tích theo quy định.

[3] Ông Dương Văn T1 kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử đúng về nội dung nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của anh Dương Bá C và luật sư. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội được chấp nhận một phần.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 270, Điều 282, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2023 /DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H:

Căn cứ các Điều 105, 106, 115, 161, 165, 166, 207, 208, 211, 216, 688 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 52, 76 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 5, 100, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 32 Luật

tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 38, Điều 41, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Xuân H và ông Dương Xuân T về việc đòi lại tài sản của dòng họ Dương Văn đối với diện tích 270m^2 đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991 có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y đứng tên ông Dương Văn T1:

Buộc ông Dương Văn T1 thanh toán giá trị 246,9m^2 đất ao với số tiền 1.234.500.000 đồng cho dòng họ Dương V có địa chỉ tại thôn C, xã Y; nay là tổ dân phố A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh H.

Ông Dương Văn T1 được quyền sử dụng 246,9m^2 đất ở thuộc thửa 90, tờ bản đồ số 7, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1991.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Dương Văn T1 (1. Đề nghị công nhận 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa số 90 địa chỉ tại tổ A, T của ông Dương Văn T1 không phải của dòng họ Dương V; 2. Đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B127619, phần diện tích 1202m^2 ao tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 90 mang tên ông Dương Văn T1 (phần ghi thêm Họ Dương V) do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp ngày 15/3/1992. 3. Buộc ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T đại diện dòng họ Dương Văn trả lại 1202m^2 đất ao cho ông Dương Văn T1).

3. Đương sự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án. (Kèm theo bản án có sơ đồ thửa đất).

4. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Xuân H, ông Dương Xuân T, ông Dương Văn T1. Trả lại cho ông Dương Xuân H 18.150.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003733 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Văn T1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/5/2024.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu HS, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Vân Hương